

VỀ CÔNG TÁC BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA HUẾ

TS. PHAN THANH HẢI*

Di sản văn hóa Huế bao gồm quần thể di tích Cố đô, với thành quách, cung điện, lăng tẩm, đàn miếu, đài tạ, chùa quán, cầu công, phủ đệ...; hệ thống kiến trúc cộng đồng, tôn giáo và kiến trúc dân gian; các di sản văn hóa phi vật thể liên quan; các khu cảnh quan môi trường độc đáo... Tuy nhiên, sau khi triều Nguyễn chấm dứt, hai cuộc chiến tranh kéo dài suốt 30 năm (1945 - 1975) đã tàn phá nghiêm trọng di sản văn hóa Huế. Bên cạnh đó, việc quản lý lỏng lẻo cùng việc tu bổ các di tích một cách tùy tiện trước đây cũng đã gây ảnh hưởng bất lợi cho các di sản này.

Ngay sau ngày miền Nam được giải phóng, Ủy ban Quân quản Bình Trị Thiên đã giao cho Phòng Bảo tồn - Bảo tàng, thuộc Ty Văn hóa - Thông tin tỉnh tiếp quản khu di tích Huế. Năm 1977, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên cho thành lập Ban Kiến thiết Di tích Huế, để trực tiếp quản lý di tích Cố đô. Năm 1980, từ Ban này lại tách thành 2 tổ chức mới: Ban Quản lý Di tích và Xí nghiệp Tu sửa Di tích. Ngày 10/6/1982, trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý Di tích và Xí nghiệp Tu sửa Di tích, Công ty Quản lý Di tích Lịch sử và Văn hóa Huế đã được thành lập và trực thuộc vào Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên, nhưng chỉ sau một thời gian ngắn lại đưa về trực thuộc Sở Văn hóa - Thông tin. Ngày 30/5/1992, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra quyết định số 443/QĐ-UBND, đổi tên Công ty Quản lý Di tích và Văn hóa Huế thành Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế. Đây là quyết định có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa Huế. Từ đây, một tổ chức ổn định và phù hợp với mô hình quản lý mới, với cơ chế hoạt động thông thoáng, đa năng, trực thuộc Ủy ban nhân dân

tỉnh về quản lý nhà nước, dưới sự chỉ đạo về chuyên môn của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), đã dần chứng minh được vai trò của mình trong sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa và trở thành một đơn vị hàng đầu của cả nước trong lĩnh vực này.

Nhìn lại lịch sử, từ 1975 đến 1980, việc bảo tồn di sản văn hóa Huế gặp muôn vàn khó khăn, do đất nước vừa bước ra khỏi chiến tranh, do quan điểm ấu trĩ cùng sự lạc hậu về khoa học bảo tồn cùng sự đầu tư hết sức hạn chế. Năm 1981, trong Lời kêu gọi cứu vãn di sản văn hóa Huế tại Hà Nội, Tổng giám đốc UNESCO lúc bấy giờ - ông M'Bow - đã cho rằng, di sản Huế đang ở trong tình trạng lâm nguy, đang đứng bên vực thẳm của sự diệt vong và sự quên lãng..., chỉ có "một sự cứu nguy khẩn cấp", với nỗ lực của Chính phủ Việt Nam cùng cộng đồng quốc tế thì mới có thể giúp Huế thoát ra khỏi tình trạng trên. Hơn một thập kỷ tiếp theo là khoảng thời gian chứng kiến sự chuyển biến tích cực trong việc gìn giữ, bảo tồn di sản Huế. Điều quan trọng là quan điểm về di sản Huế đã dần dần thay đổi trong nhận thức của rất nhiều người. Năm 1983, một Luận chứng kinh tế - kỹ thuật tổng hợp về bảo tồn di sản cố đô Huế đã được bảo vệ thành công ở cấp Nhà nước. Từ đó, nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước dành cho Huế ngày càng tăng, góp phần quan trọng để cải thiện công tác bảo quản, chống xuống cấp và bước đầu trùng tu các di sản của Cố đô.

Đến năm 1991, hầu hết các di tích quan trọng của Huế đã được lập hồ sơ khoanh vùng bảo vệ (căn cứ theo Pháp lệnh Bảo vệ di tích năm 1984) và đã được các ban, ngành liên quan từ trung ương đến cơ sở công nhận. Trên cơ sở đó, năm 1992, một bộ hồ sơ khoa học mang tính tổng thể về di tích Cố đô Huế đã

* Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế

được thiết lập và được đệ trình lên Ủy ban Di sản thế giới của UNESCO.

Sau khi Quần thể di tích Cố đô Huế được vinh danh là di sản văn hóa thế giới, điều quan trọng nhất với Huế lúc đó là xây dựng được một chiến lược phù hợp để bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa đã được công nhận. Chiến lược đó đã được cụ thể hóa bằng Dự án "Quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế, giai đoạn 1996 - 2010" do Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế phối hợp với các ban, ngành liên quan xây dựng. Dự án này đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bằng Quyết định 105/TTg ngày 12.2.1996. Sau đó, tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XIII, Nghị quyết số 06 - NQ/TV ngày 20/01/1998 và Nghị quyết 04 ngày 30/7/2001 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế để tổ chức thực hiện Dự án này.

Mục tiêu cơ bản và dài hạn của Dự án được thể hiện trên cả hai bình diện:

- Bảo tồn di sản văn hoá Cố đô Huế;
- Phát huy mọi giá trị quý giá của Di sản văn hoá Cố đô Huế, bao gồm giá trị di sản văn hoá vật chất, giá trị di sản văn hoá tinh thần, giá trị di sản văn hoá môi trường cảnh quan đô thị và thiên nhiên trong việc giáo dục giữ gìn truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc, nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Bộ Văn hóa - Thông tin, công cuộc bảo tồn di tích Cố đô Huế đã được triển khai và đạt kết quả rất quan trọng: Di sản văn hoá Huế đã vượt qua giai đoạn cứu nguy khẩn cấp và đang từng bước hồi sinh diện mạo ban đầu của một Cố đô lịch sử. Công cuộc bảo tồn di tích Huế chuyển sang giai đoạn ổn định và phát triển bền vững.

Những kết quả quan trọng ấy được thể hiện trên các mặt: bảo tồn, trùng tu di tích; bảo tồn văn hóa phi vật thể; bảo tồn, tôn tạo cảnh quan môi trường các khu di sản; hợp tác quốc tế, ứng dụng thành tựu khoa học bảo tồn và đào tạo nguồn nhân lực; phát huy giá trị di sản.

Công tác bảo tồn, trùng tu di tích

Đây là một trong những hoạt động cơ bản nhất của công tác bảo tồn di sản Huế trong thời gian qua, cũng là lĩnh vực được đầu tư lớn nhất về kinh phí và chất xám. Những thành tựu chính trên lĩnh vực này là:

- + Bảo quản cấp thiết hầu hết các di tích bằng các biện pháp chống dột, chống sập, chống mối mọt, chống cây, cỏ xâm thực, gia cố

và thay thế các bộ phận bị lão hóa..., nhờ vậy mà trong điều kiện thiên tai khắc nghiệt, các di tích vẫn được bảo tồn và kéo dài tuổi thọ.

+ Trùng tu, phục hồi một số công trình tiêu biểu, như Ngọ môn, điện Thái Hòa, Hiển Lâm các, cụm di tích Thế miếu, cung Diên Thọ, Duyệt Thị đường, cung Trường Sanh, hệ thống Trường lang (Tử Cấm thành), Minh lâu, điện Sùng Ân, Hữu Tụng tự, Bi đình (lăng Minh Mạng), điện Hòa Khiêm, Minh Khiêm đường, Ôn Khiêm điện, (lăng Tự Đức), Thiên Định cung, Bi đình (lăng Khải Định), chùa Thiên Mụ, cung An Định, các cổng Kinh thành...

+ Củng cố hạ tầng kỹ thuật, như hệ thống đường, điện chiếu sáng khu vực Đại Nội, quảng trường Ngọ môn - Kỳ đài; điện đường đến các lăng Tự Đức, Khải Định, Minh Mạng đã được đầu tư, nâng cấp; hệ thống sân vườn các di tích Hưng miếu, Thế miếu, cung Diên Thọ, cung An Định... được đầu tư chỉnh trang theo hướng trả lại không gian vốn có.

Điều quan trọng là, các di tích đã được tu bổ đều đảm bảo các nguyên tắc khoa học về bảo tồn của quốc gia và thỏa mãn các điều luật của Hiến chương, Công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, được các nhà khoa học trong nước và quốc tế đánh giá cao.

Qua thực tiễn của công cuộc bảo tồn, tôn tạo di tích Huế, Trung tâm đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu và phong phú, đặc biệt đã nắm vững cả 2 mặt cốt yếu của phương pháp trùng tu khoa học: đó là phương pháp luận khoa học và kỹ năng thực hiện, vì vậy, hoạt động trùng tu đã đem lại những hiệu quả tích cực.

Công tác bảo tồn, trùng tu di tích đã đem lại những hiệu quả tích cực về mặt kinh tế và xã hội, góp phần quan trọng trong việc thu hút du khách đến Huế, tăng các nguồn doanh thu du lịch và dịch vụ, tạo ra sự quan tâm đặc biệt của các tầng lớp xã hội đối với di sản văn hóa truyền thống... Nhiều công trình sau khi tu bổ xong đã phát huy tốt hiệu quả kinh tế, xã hội, như Duyệt Thị đường, Minh Khiêm đường (nơi biểu diễn múa, hát, tuồng và các nhạc khúc cung đình phục vụ du khách), quảng trường Ngọ môn - Kỳ đài. Các công trình hạ tầng trong Đại nội, quảng trường Ngọ môn - Kỳ đài, điện chiếu sáng Đại nội và các lăng đã phục vụ tốt cho các Festival cũng như cầu truyền hình trong các dịp lễ, tết.

Công tác bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể

Các di sản văn hóa phi vật thể của Huế hết

sức phong phú. Trong Dự án “Quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế, giai đoạn 1996 - 2010”, việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể chủ yếu được xác định trong phạm vi văn hóa cung đình thời Nguyễn, gồm thơ văn Hán - Nôm trên di tích, văn bia, thơ Ngự chế được trang trí ở các cung điện, các hoa văn họa tiết trang trí mỹ thuật gắn liền với di tích kiến trúc, lễ nhạc cung đình, múa hát cung đình, lễ hội cung đình, tuồng Ngự, ca Huế...

Trên lĩnh vực này, Trung tâm đã tổ chức nghiên cứu và xuất bản hàng chục công trình khoa học, tổ chức đào tạo nguồn nhân lực... Các kết quả chủ yếu bao gồm:

Tổ chức trên 10 cuộc hội thảo, hội nghị quốc gia và quốc tế về chủ đề nghiên cứu, bảo tồn các tài sản văn hóa phi vật thể, như Hội thảo Bảo tồn và phát huy giá trị tuồng cung đình Huế, Hội thảo Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Hán - Nôm Huế, Hội thảo Bảo tồn âm nhạc cung đình Huế, Hội thảo Tổng kết dự án Bảo tồn nhã nhạc cung đình Huế...

Nghiên cứu, biên soạn, dịch thuật và xuất bản hơn 20 công trình về di sản văn hóa Huế và công cuộc bảo tồn, trong đó có những công trình đoạt giải thưởng cao của Trung ương và địa phương, như: *Khoa cử và khoa bảng triều Nguyễn*, *Thần kinh nhị thập cảnh - thơ vua Thiệu Trị*, *Kinh thành Huế*, *Huế - Di sản văn hóa thế giới*, *Âm nhạc cung đình Huế*, *Tuồng cung đình Huế*, *Khảo cổ học tại di tích Cố đô Huế (1999 - 2003)*, *Di sản văn hóa Huế - Nghiên cứu & bảo tồn*, *Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế (6 tập)*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên (10 tập)*...

Sưu tầm, nghiên cứu ứng dụng và bảo tồn được hàng chục tác phẩm âm nhạc cung đình quan trọng, như 10 nhạc chương trong lễ tế Giao, 9 nhạc chương trong tế Liệt miếu, 5 nhạc chương trong lễ Đoan dương, Vạn thọ và tết Nguyên đán, 37 nhạc chương diễn tấu với dàn Tiểu nhạc, 10 nhạc chương diễn tấu trong các đợt vua ngự, 14 bài bản Đại nhạc... Sưu tầm, nghiên cứu và dàn dựng thành công 15 điệu múa cung đình tiêu biểu, như Trình tường tập khánh, Tứ linh, Nữ tướng xuất quân, Bát dật, Long hổ hội... Nghiên cứu dàn dựng 2 vở tuồng cung đình cổ và 25 trích đoạn tuồng phục vụ cho lễ hội và giao lưu văn hóa nghệ thuật...

Chính nhờ những nỗ lực trên mà tháng 11 năm 2003, UNESCO đã chính thức công nhận

Nhã nhạc Cung đình Huế là kiệt tác di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại (nay là di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại). Đây là một sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, thể hiện tầm vóc và sự phong phú, toàn diện của di sản văn hóa Huế trên cả hai lĩnh vực văn hóa vật thể và phi vật thể.

Trung tâm đã nghiên cứu phục hồi một số lễ hội cung đình quan trọng nhất của triều Nguyễn, như lễ tế Nam Giao, lễ tế Xã Tắc, lễ Truyền lô - Vinh quy bái tổ (lễ vinh danh tiên sĩ dưới thời Nguyễn), lễ hội thi tiên sĩ võ; những lễ hội mới nhưng dựa trên chất liệu truyền thống, như: Huyền thoại sông Hương, Hành trình mở cõi, Thiên hạ thái bình... Đặc biệt là, trong các dịp Festival Huế, các loại hình nghệ thuật cung đình, bao gồm cả lễ hội, âm nhạc, nghệ thuật thư pháp, nghệ thuật ẩm thực, trò chơi cung đình... đã thực sự đóng vai trò trung tâm trong các hoạt động của đơn vị chủ nhà, trở thành đại diện tiêu biểu của văn hóa Huế trong sự đối thoại, giao lưu với bạn bè quốc tế.

Công tác bảo tồn, tôn tạo cảnh quan môi trường các khu di sản

Nằm trong lòng của “một kiệt tác về thơ kiến trúc đô thị”, phần lớn các di tích của Huế đều là những kiến trúc nghệ thuật, được bố trí hài hòa với thiên nhiên trong những không gian rất rộng lớn. Chính vì thế, việc bảo tồn, tôn tạo cảnh quan môi trường các khu di tích gặp không ít khó khăn. Thêm vào đó, số lượng dân cư sống trong các khu vực bảo vệ di tích rất lớn, chiếm xấp xỉ 1/2 dân số thành phố. Vì vậy, mọi hoạt động liên quan đến bảo vệ di tích đều có ảnh hưởng nhất định đến cuộc sống của người dân và nhu cầu phát triển.

Trong những năm qua, phần lớn các di tích chính đã được đầu tư tu bổ, tôn tạo hệ thống sân vườn, cảnh quan và trồng cây bổ sung ở các khu vực đệm. Trung tâm đã thành lập phòng Cảnh quan môi trường, với hơn 70 cán bộ, viên chức chuyên làm công tác vệ sinh môi trường, gây dựng và trồng mới cây xanh, hoa kiểng, nghiên cứu tôn tạo môi trường cảnh quan. Chính công việc đó đã làm thu hẹp không gian hoang phế, từng bước trả lại các giá trị cảnh quan vốn có của Cố đô, mang lại sinh khí cho di tích, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, góp phần quan trọng trong việc giao lưu và hợp tác văn hóa trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó, việc nâng cấp cơ sở hạ tầng và các trục đường thành phố Huế đã được

quan tâm, nhất là các trục đường trong kinh thành, đường đến một số điểm di tích. Đặc biệt là việc chỉnh trang, tôn tạo 2 bên bờ sông Hương, nạo vét dòng Ngự Hà và tu bổ kè Hộ thành hào đã tạo điều kiện để phát triển dân sinh và chỉnh trang đô thị. Việc giải tỏa gần 300 hộ dân ở khu vực bến Me và Hộ thành hào, hơn 50 hộ dân ở trên mặt Nam thành, hàng chục hộ dân ở đàn Xã Tắc, Võ miếu, việc tu bổ tôn tạo hệ thống công thành với kinh phí hàng chục tỉ đồng phần nào trả lại cảnh quan cho Cố đô Huế.

Công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế, ứng dụng thành tựu khoa học bảo tồn và đào tạo nguồn nhân lực

Đây cũng là một trong những lĩnh vực hoạt động đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Trong những năm qua, Huế đã hợp tác với hơn 25 tổ chức quốc tế, hàng chục các viện, trường đại học, ban ngành trong nước để tiến hành các hoạt động nghiên cứu bảo tồn di sản cả trên lĩnh vực văn hóa vật thể, phi vật thể và cảnh quan môi trường.

Với các tổ chức quốc tế, Huế đã hợp tác với UNESCO, Nhật Bản (Quý Toyota, Quý Japan Foundation, Trường Đại học Nữ Sowa, Đại học Nihon, Đại học Waseda...), Ba Lan, Canada, Pháp, Anh, Mỹ, Đức, Thái Lan, Bỉ, Hàn Quốc, Hà Lan... thực hiện hàng chục dự án trùng tu, nghiên cứu bảo tồn và đào tạo nguồn nhân lực hết sức có ý nghĩa. Nổi bật trong đó là dự án hợp tác nghiên cứu kiến trúc truyền thống Huế và phục hồi điện Càn Chánh (phối hợp với Đại học Waseda) đã thực hiện được hơn 15 năm (1996 - 2012), với nguồn kinh phí được đầu tư ngày càng lớn và bước đầu đã đạt nhiều kết quả tốt.

Huế cũng đã có mối quan hệ hợp tác rộng rãi với nhiều đơn vị, bộ, ngành trong nước để thực hiện các dự án quy hoạch, bảo tồn và đào tạo nhân lực; tiêu biểu như Đại học Huế, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn, Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng, Viện Bảo tồn Di tích, Công ty Tu bổ Di tích Trung ương, Viện Âm nhạc Việt Nam, Nhạc viện Hà Nội, Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Viện Sử học...

Chính qua các dự án hợp tác nói trên, đội ngũ cán bộ khoa học, chuyên viên, nghệ sĩ của Huế đã được đào tạo, trau dồi kiến thức thường xuyên và không ngừng trưởng thành. Trong quá

trình xây dựng, phát triển, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã đào tạo được 3 tiến sĩ trong nước, 1 tiến sĩ ở nước ngoài, 28 thạc sĩ ở trong và ngoài nước, 20 cử nhân đại học (Nhã nhạc) cùng hàng chục cử nhân ở nhiều chuyên ngành khác nhau. Đội ngũ những người làm nghề thuật cũng trưởng thành nhanh chóng. Đến nay, Trung tâm đã có 01 Nghệ sĩ Nhân dân, 03 Nghệ sĩ Ưu tú. Đội ngũ cán bộ, chuyên viên, nghệ sĩ đó đã trở thành lực lượng nòng cốt trong các hoạt động bảo tồn di sản trên tất cả các lĩnh vực hoạt động; nhiều người trong số đó đã trở thành cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn chủ chốt của các ban ngành.

Công tác tuyên truyền quảng bá

Giới thiệu, tuyên truyền quảng bá các giá trị di sản văn hóa Cố đô Huế đến với cộng đồng xã hội là công việc hết sức quan trọng, mà trên hết là góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo tồn di sản. 30 năm qua, Trung tâm đã xuất bản nhiều ấn phẩm giới thiệu về di sản văn hóa Huế đến với cộng đồng, đặc biệt là đến với các trường học. Trung tâm đã tổ chức nhiều đợt tuyên truyền, giới thiệu về di sản văn hóa, về *Luật di sản văn hóa* đến với cộng đồng dân cư ở thành phố, ở các huyện có di tích nằm trên địa bàn. Bên cạnh đó, Trung tâm đã tổ chức gần 60 cuộc triển lãm, trưng bày cổ vật, hiện vật, tranh ảnh giới thiệu với công chúng trên địa bàn, với công chúng của các tỉnh/thành, như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ...

Đặc biệt, trong lĩnh vực đối ngoại, các giá trị di sản văn hóa Huế còn được giới thiệu ở các nước, như Lào, Pháp, Bỉ, Áo, Nhật, Hàn Quốc thông qua các đợt trưng bày triển lãm của Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế; các giá trị văn hóa phi vật thể được giới thiệu ở các nước, như Hàn Quốc, Philippin, Pháp, Bỉ, Tây Ban Nha, Italia, Nhật Bản, Thụy Sĩ... thông qua các đợt lưu diễn nghệ thuật của Nhà hát Nghệ thuật truyền thống Cung đình Huế.

Có thể nói, đây là mảng công tác góp phần đưa văn hóa Huế ra với cộng đồng thế giới, khẳng định rõ vị thế của di sản văn hóa Huế không chỉ ở phạm vi quốc gia mà còn ở phạm vi quốc tế, góp phần tôn vinh di sản văn hóa dân tộc, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam đến với cộng đồng quốc tế.

Công tác phát huy giá trị di sản

Khai thác và phát huy giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể thuộc di tích Cố đô Huế là giải pháp tốt nhất để bảo tồn di tích, làm cho di tích

sống, hòa vào cuộc sống của xã hội đương đại, có tác dụng giáo dục và nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế, tạo nguồn lợi để bảo tồn di tích. Đặc biệt là đầu tư tu bổ để phát triển ngành công nghiệp du lịch và các loại dịch vụ, tạo cơ sở để giải quyết công ăn, việc làm cho người lao động. Việc khai thác hợp lý làm cho di tích thoát khỏi sự lãng quên mà *Luật di sản văn hóa* đã chỉ rõ là hướng đến xã hội hóa công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích. Phát triển du lịch là xu thế tất yếu của xứ sở giàu di sản văn hóa này.

Đây cũng là lĩnh vực thể hiện kết quả trực tiếp của công tác bảo tồn di sản. Nhờ những thành tựu của công tác bảo tồn mà di sản văn hóa Huế đã được quảng bá hình ảnh rộng rãi trên toàn thế giới, tạo nên sức hút to lớn của Huế đối với du khách thập phương. Ngành du lịch dịch vụ của tỉnh trong những năm qua đã có những bước phát triển nhanh chóng và thực sự đã trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Thừa Thiên Huế. Riêng tại khu di tích Huế, doanh thu trực tiếp từ năm 1996 đến năm 2010 đã đạt gần 644,5 tỷ đồng. Chính nguồn thu này đã góp phần rất quan trọng trong việc tái đầu tư cho hoạt động bảo tồn di sản.

Việc khai thác và phát huy giá trị di sản cũng đã tạo điều kiện cho công tác phục hồi các ngành nghề thủ công, các nghi lễ và nghệ thuật truyền thống. Các nghề đúc đồng, sơn thếp, sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ, làm điều Huế, may áo dài, chằm nón lá, làm kẹo mè xưng, tôm chua, nghệ thuật ẩm thực, ca Huế... đã có sự phục hồi và phát triển mạnh mẽ để đáp ứng các nhu cầu của ngành du lịch.

Với những thành tựu to lớn đã đạt được trên tất cả các lĩnh vực trên, những người làm công tác bảo tồn cũng đã nhận được nhiều phần thưởng xứng đáng.

Trên bình diện quốc tế, Huế được UNESCO chính thức công nhận đã vượt qua "giai đoạn cứu nguy khẩn cấp" để bước vào "thời kỳ ổn định và phát triển". Năm 2003, UNESCO công nhận Nhã nhạc cung đình Huế là "Kiệt tác văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại". Và, liên tục từ năm 2004 đến nay, Ủy ban Di sản thế giới của UNESCO đều có thông điệp ca ngợi những thành tựu xuất sắc trên phương diện trùng tu di tích, bảo tồn di sản của Huế.

Ở trong nước, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã trao Huân chương Lao động Hạng Ba (1996), Hạng Nhì (2001) và

Hạng Nhất (2006) cho Trung tâm. Ngoài ra, trong nhiều năm liền, Trung tâm đều nhận được Cờ Thi đua xuất sắc ngành Bảo tồn - Bảo tàng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; nhiều đơn vị phòng, ban và cá nhân trong Trung tâm đã nhận được Huân chương Lao động của Chủ tịch nước, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch... Trung tâm cũng đã được trao 02 Giải A Giải thưởng Cổ đô về khoa học công nghệ cho 02 bộ Hồ sơ khoa học công nhận danh hiệu Di sản văn hóa thế giới cho quần thể di tích Cố đô Huế và Nhã nhạc; Giải Vàng Sách hay toàn quốc năm 2006 và 2008 cho bộ sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*...

Những thuận lợi và thách thức trong thời kỳ hội nhập

Có thể nói, những kết quả quan trọng đã đạt được trong quá trình thực hiện Quyết định 105/TTg của Thủ tướng Chính phủ chính là cơ sở tiền đề cho sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa Huế vững vàng bước vào một thời kỳ mới với nhiều cơ hội, thuận lợi và cũng có không ít những thử thách, khó khăn.

Những cơ hội và thuận lợi đó được tạo ra từ đường lối đề cao văn hóa, nhân mạnh yếu tố văn hóa "vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển" của Đảng, chính sách ưu tiên đầu tư cho các mục tiêu văn hóa của Nhà nước cùng sự quan tâm, ủng hộ ngày càng rộng rãi và thiết thực hơn của các tổ chức xã hội, các tầng lớp nhân dân.

Ngày 25/8/2008, Chính phủ đã phê duyệt đề án xây dựng Huế trở thành Thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam. Ngày 12/8/2008, Thủ tướng Chính phủ lại phê duyệt Quyết định 1085/TTg về việc xây dựng Huế thành một trong những trung tâm văn hóa du lịch lớn của cả nước. Đặc biệt là với Kết luận 48KL/TW ngày 25/5/2009 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và đô thị Huế đến năm 2020, sự nghiệp bảo tồn di sản Huế đang có những điều kiện rất thuận lợi để thành công trong bối cảnh phát triển chung của đất nước. Ngày 19/6/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ra Thông báo số 980/TTg-CP về tổ chức triển khai Kết luận 48 của Bộ Chính trị. Cùng thời gian đó, ngày 17/6/2009, Chính phủ cũng ra Quyết định số 86/2009/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020. Ngày 7/6/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 818TTg phê

duyet Dự án Điều chỉnh quy hoạch và bảo tồn di tích Cố đô Huế, giai đoạn 2010 - 2020. Trên cơ sở đó, hiện nay Trung tâm đang phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành của tỉnh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ chế đặc thù cho di tích Huế, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nhằm tạo ra những cơ sở pháp lý cơ bản, quan trọng cho sự nghiệp bảo tồn di sản Huế trong thời kỳ mới.

Hoạt động Festival được tổ chức hàng năm (Festival quốc tế vào các năm chẵn, Festival nghề truyền thống vào các năm lẻ) là cơ hội lớn để Cố đô Huế phô bày, trình diễn vẻ đẹp phong phú, giàu có về văn hóa của mình. Và, đây cũng chính là cơ hội để Huế kêu gọi sự hợp tác, đầu tư để bảo tồn và phát huy giá trị di sản truyền thống.

Những thành công trong quá trình hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế để bảo tồn di sản trong những năm qua đã tạo được uy tín và vị thế đặc biệt cho Huế. Cũng từ đó, các cơ hội hợp tác và đầu tư cho di sản Huế ngày càng được mở rộng. Chỉ tính riêng từ năm 2007 - 2012, giá trị các dự án hợp tác quốc tế đầu tư cho công cuộc bảo tồn di sản Huế đã lớn hơn tổng giá trị các dự án của tất cả các năm trước đó.

Tại địa phương, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh: đưa du lịch, dịch vụ thành ngành kinh tế mũi nhọn; đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng phục vụ du lịch (sân bay, bến cảng, hệ thống giao thông đường bộ, hệ thống khách sạn...); đầu tư phát triển một số ngành nghề thủ công truyền thống... cũng tạo cơ hội và điều kiện tốt để phát huy giá trị di sản.

Trong khu vực miền Trung, "Con đường di sản" với sự nối kết từ Hội An - Mỹ Sơn - Huế đến Phong Nha - Kẻ Bàng hay "Hành lang kinh tế Đông - Tây" kết nối từ Miến Điện - Thái Lan - Lào đến Việt Nam đã khiến khu vực này trở thành một trong những địa chỉ du lịch hấp dẫn nhất của Việt Nam.

Cùng các cơ hội, thuận lợi, những khó khăn, thử thách trên hành trình phát triển là điều đương nhiên. Trong thời kỳ hội nhập, những khó khăn ấy hiện hiện ngày càng rõ rệt hơn.

Trước hết, đó là khả năng cần phải có sự đầu tư tương xứng để bảo tồn di sản Huế với một quần thể di tích đồ sộ, di sản văn hóa phi vật thể phong phú và môi trường cảnh quan rộng lớn gắn bó hữu cơ với đô thị Huế. Huế

phải làm gì và làm như thế nào để có được những nguồn vốn đầu tư rất lớn ấy trong khi chủ yếu vẫn phải dựa vào nguồn đầu tư từ ngân sách Nhà nước.

Thứ hai là cơ chế thế nào để quản lý, đầu tư và phát huy di sản Huế một cách hiệu quả nhất? Huế cần phải có một cơ chế đặc thù và hết sức linh hoạt thì mới có thể đáp ứng yêu cầu trên. Nhưng việc cải cách các thủ tục hành chính và thay đổi cơ chế xem ra không hề đơn giản. Hiện nay, dưới sự lãnh đạo của tỉnh, Trung tâm đang nỗ lực cùng các ban, ngành liên quan xây dựng và đề xuất một cơ chế đặc thù cho di tích Huế.

Thứ ba là vấn đề nguồn nhân lực để đáp ứng cho công cuộc bảo tồn di sản Huế trong thời kỳ mới. Cho dù, trong những năm qua, Trung tâm đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn tham gia công tác bảo tồn, tu bổ ngày càng phong phú và đa ngành, bao gồm các nhà nghiên cứu thuộc các lĩnh vực lịch sử, mỹ thuật, kiến trúc, âm nhạc, khoa học bảo quản..., đáp ứng được khá tốt yêu cầu của công tác bảo tồn, tu bổ di tích Huế; lực lượng tư vấn lập dự án, giám sát và thi công ngày càng phát triển. Tuy nhiên, lực lượng trên vẫn còn rất thiếu so với nhu cầu nếu Huế được đầu tư lớn hơn cho bảo tồn di sản.

Thứ tư là thách thức đến từ sự cạnh tranh giữa các khu di sản trong khu vực. Tại miền Trung và Tây Nguyên đã có 6/7 di sản thế giới của Việt Nam (cả vật thể và phi vật thể). Vì vậy, mỗi khu di sản đều cố gắng khẳng định vai trò và vị thế của mình. Trên tầm rộng hơn, Huế và các di sản khác của Việt Nam phải cạnh tranh với các nước Đông Nam Á và Trung Quốc. Đó thực sự là những thách thức rất lớn.

Thứ năm là thách thức và khó khăn đến từ mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển. Đây là vấn đề trọng tâm, là thách thức to lớn nhất đối với di sản Huế trong bối cảnh mới. Đây cũng là vấn đề mà Ủy ban Di sản thế giới đã nhiều lần khuyến cáo đối với di sản Huế.

Để vượt qua những khó khăn và thử thách này đòi hỏi phải có một nhận thức đúng đắn trong cộng đồng về di sản Huế, đòi hỏi phải có một chiến lược phù hợp cùng những sách lược linh hoạt của lãnh đạo địa phương, phải có sự nỗ lực lớn hơn từ đơn vị được trực tiếp giao phó việc quản lý khu di sản Huế, phải có sự chung sức của nhân dân và cuối cùng là sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế cũng là một yêu cầu không thể thiếu trong bối cảnh hiện nay./